



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 57 + 58

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-12-2024- Quyết định số 5921/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

(Đăng từ Công báo số 55 + 56 đến số 57 + 58)

(Tiếp theo Công báo số 55 + 56)

15. Thủ tục thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

*** *Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phải gửi thông báo đến Sở Văn hóa và Thể thao.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, *Sở Văn hóa và Thể thao* trình Ủy ban nhân dân *Thành phố* văn bản trả lời; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, *Sở Văn hóa và Thể thao* có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

*** *Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện.

*** *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (theo Mẫu M03 quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

*** *Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** *Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ quan thành lập thư viện.

*** *Cơ quan thực hiện TTHC:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*** *Kết quả thực hiện TTHC:*** Văn bản trả lời.

*** *Phí, lệ phí:*** Không quy định.

*** *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đối với trường hợp sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản):*** Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (theo Mẫu M03 quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

*** *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

*** *Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

Mẫu M03

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

(nếu có)

.....¹

Số:/TB-TV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO**Về việc giải thể²/chấm dứt hoạt động của thư viện³**Kính gửi:⁴⁵trân trọng thông báo:

Tên thư viện(viết chữ in hoa):

Địa chỉ:

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương)

Hoạt động từ ngày..... tháng..... năm..... theo Quyết định số.....⁶/ Thông báo hoạt động thư viện ngày..... và Văn bản trả lời số.....⁷ ngày.... tháng.... năm..... của.....

sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày.....tháng..... năm.....

Lý do chấm dứt hoạt động:

Hồ sơ kèm theo:

1. Quyết định/Thông báo thành lập thư viện.
2. Quyết định giải thể thư viện (đối với thư viện công lập);
3. Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin thư viện theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt⁶/Hồ sơ chuyển giao tài nguyên thông tin⁷.

Theo quy định của Luật Thư viện,⁵ trân trọng thông báo./.

**CƠ QUAN THÀNH LẬP THƯ VIỆN/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯ VIỆN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức thành lập thư viện; cơ sở giáo dục có thư viện.

² Áp dụng đối với các trường hợp giải thể thư viện công lập.

³ Áp dụng đối với các trường hợp tự chấm dứt hoạt động của thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam; chấm dứt hoạt động của thư viện của tổ chức khác.

⁴ Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.

⁵ Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện.

⁶ Đối với thư viện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục.

⁷ Đối với thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

16. Thủ tục Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng

*** Trình tự thực hiện:** không quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** không quy định

- Thành phần hồ sơ: không quy định

- Số lượng hồ sơ: không quy định

*** Thời hạn giải quyết:** không quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** không quy định

*** Cơ quan giải quyết TTHC:** không quy định

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: không quy định

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: không quy định

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: không quy định

*** Kết quả thực hiện TTHC:** không quy định

*** Phí, lệ phí:** Không quy định.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** không quy định

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng kèm theo Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ

17. Thủ tục Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố

* **Trình tự thực hiện:** không quy định

* **Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** không quy định

- Thành phần hồ sơ: không quy định

- Số lượng hồ sơ: không quy định

* **Thời hạn giải quyết:** không quy định

* **Đối tượng thực hiện TTHC:** không quy định

* **Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng (*Điều 16, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP*)

Các công trình công cộng khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc đặt tên (*Điều 15, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP*)

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: không quy định

* **Kết quả thực hiện TTHC:**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng (đối với công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng).

Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện đối với đặt tên, đổi tên các công trình công cộng khác.

* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tất cả các đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên (*Điều 4, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP*)

- Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đối với đô thị loại đặc biệt phải lấy ý kiến Bộ Văn hoá - Thông tin trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét ra Nghị quyết (*khoản 1, Điều 17, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP*)

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng kèm theo Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ.

18. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng IV

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

19. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đạo diễn nghệ thuật hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III, mã số V.10.03.10.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II, mã số V.10.03.09 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức

chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

20. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đạo diễn nghệ thuật hạng I:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II, mã số V.10.03.09.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng I, mã số V.10.03.08 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức

chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

21. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề

nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

22. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng diễn viên hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III, mã số V.10.04.14.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II, mã số V.10.04.13

quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

23. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng diễn viên hạng I:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II, mã số V.10.04.13.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng I, mã số V.10.04.12

quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

24. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp di sản văn hóa III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa

nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

25. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp di sản văn hóa III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng di sản viên hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III, mã số V.10.05.17.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II, mã số V.10.05.16 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức

và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền thống văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

26. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa hạng I

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp di sản văn hóa hạng II

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng di sản viên hạng I:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II, mã số V.10.05.16.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng I, mã số V.10.05.29 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về

tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

27. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

* **Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật,

có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

28. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng *(được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng phương pháp viên hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III, mã số V.10.06.20.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II, mã số V.10.06.19 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức

và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

29. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên (hạng III)

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV)

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

* **Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp

luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

30. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính (hạng II)

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III)

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng huấn luyện viên chính (hạng II)

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III), mã số V.10.01.03.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II), mã số V.10.01.02 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

31. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoà sĩ hạng III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hoà sĩ hạng IV

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình

độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

32. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoà sĩ hạng II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hoà sĩ hạng III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng họa sĩ hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III, mã số V.10.08.27.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II, mã số V.10.08.26 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

33. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoà sĩ hạng I

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hoà sĩ hạng II

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng họa sĩ hạng I:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II, mã số V.10.08.26.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng I, mã số V.10.08.25 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

34. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình

độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

35. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng thư viện viên hạng II:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III, mã số V.10.02.06.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II, mã số V.10.02.05 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức

và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

36. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng thư viện viên hạng I:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II, mã số V.10.02.05.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng I, mã số V.10.02.30 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về

tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, truyền truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

37. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa trung cấp

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

* **Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*). Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề (*được quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) theo đúng quy định của pháp

luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

(Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo văn bản hợp nhất số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ).

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

38. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính.

*** Trình tự thực hiện:** chưa quy định

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*được quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện TTHC:** viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa

*** Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: các cơ quan, đơn vị có liên quan

*** Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định

*** Phí, lệ phí:** (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** chưa quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tiêu chuẩn, điều kiện chung được đăng ký dự xét thăng hạng:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và có số lượng viên chức ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) và yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng tuyên truyền viên văn hóa chính:

+ Đang giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa, mã số V.10.10.35.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa chính, mã số V.10.10.34 quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

*** Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức

và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được hợp nhất lại Văn bản số 01/VBHN-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ);

- Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng